# NHẬN DIỆN DÒNG KIỀU HỐI VÀO VIỆT NAM

**Nguyễn Thị Ái Liên**
*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*
*Email: nta_lien@yahoo.com*

Ngày nhận: 4/1/2016
Ngày nhận bản sửa: 27/2/2016
Ngày duyệt đăng: 25/7/2016

**Tóm tắt:**
*Trong các dòng ngoại hối từ nước ngoài chuyển về, kiều hối trở thành dòng tiền chiếm tỷ trọng cao và có vai trò ngày càng tăng đối với nền kinh tế Việt Nam. Dòng kiều hối vào Việt Nam được phân tích theo quy mô kiều hối và cơ cấu kiều hối (theo quốc gia gửi, theo kênh chuyển tiền, theo mục đích sử dụng, theo hình thái tài sản). Các nguyên nhân của hạn chế trong thu hút và sử dụng kiều hối để đầu tư ở Việt Nam có thể kể đến: Việt Nam chưa có hệ thống pháp luật chuyên sâu về kiều hối; chuyển tiền qua kênh chính thức chưa thuận tiện và chi phí còn cao; số liệu thống kê về kiều hối chưa chính xác. Bài viết này đề xuất một số kiến nghị nhằm thu hút dòng kiều hối và sử dụng kiều hối cho hoạt động đầu tư ở Việt Nam. Việt Nam cần ban hành hệ thống văn bản pháp luật về kiều hối, ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, phát triển định chế tài chính phục vụ chuyển kiều hối, nâng cao tính chính xác về thống kê dữ liệu kiều hối.*
**Từ khóa**: Kiều hối; kênh chuyển tiền; hình thái tài sản.

**Recognizing remittance inflows into Vietnam**

*Abstract:*

*Within foreign exchange flows, remittances become the foreign inflow with high proportion and growing role for the Vietnam economy. Remittance inflows into Vietnam are analyzed on the scale of remittances and remittance structure (by remittance sending country, remittance channels, using purpose, asset forms). The causes of limitations in attracting and using remittances to invest in Vietnam include Vietnam has no legal system specializing in remittances; remittance formal channels are not convenient and the cost is high; inaccurate statistics on remittances. Some recommendations are made to attract remittances and use remittances for investment in Vietnam. Vietnam should promulgate the legislation system of remittances, stabilize the macroeconomic environment, develop financial institutions serving remittance transfers and improve the accuracy of remittance statistical data.*

*Keywords: Remittances; remittance channels; asset form.*

## 1. Giới thiệu

Trong các dòng ngoại hối từ nước ngoài chuyển vào Việt Nam, kiều hối đang trở thành dòng tiền chiếm tỷ trọng cao so với nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán, và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Theo Ngân hàng Thế giới, lượng kiều hối chảy về Việt Nam liên tục tăng trong những năm qua, kiều hối về Việt Nam năm 2010 đạt 8,26 tỉ USD. Năm 2011, Việt Nam đón nhận 8,6 tỉ USD kiều hối, năm 2012 là 10 tỉ USD, năm 2013 là 11 tỉ USD và 12 tỷ đôla của năm 2014. Những số liệu ấn tượng đó đã khiến Việt Nam lọt vào danh sách 10 quốc gia đón nhận kiều hối cao nhất trên thế giới trong những năm vừa qua. Kiều hối nổi lên là dòng ngoại hối có vai trò ngày càng tăng đối với nền kinh tế Việt Nam. Tuy lượng kiều hối chảy vào tương đối lớn, nhưng tác động của kiều hối đối với nền kinh tế Việt Nam chưa thật sự thỏa đáng như với nguồn vốn FDI, ODA. Bài viết này giới thiệu tổng quan dòng

**Bảng 1: Kiều hối, đầu tư trực tiếp nước ngoài và hỗ trợ phát triển chính thức vào Việt Nam giai đoạn 2000-2014**

| Năm | Kiều hối (tỷ US$) | Kiều hối/GDP (%)* | FDI (tỷ US$) | FDI/GDP (%)* | ODA (tỷ US$) | ODA/GDP (%)* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2000 | 1,340 | 3,98% | 1,298 | 3,86% | 1,681 | 5,00% |
| 2001 | 1,100 | 3,12% | 1,300 | 3,68% | 1,432 | 4,06% |
| 2002 | 1,770 | 4,66% | 1,400 | 3,69% | 1,280 | 3,37% |
| 2003 | 2,100 | 4,92% | 1,450 | 3,39% | 1,772 | 4,15% |
| 2004 | 2,310 | 4,67% | 1,610 | 3,26% | 1,846 | 3,74% |
| 2005 | 3,150 | 5,47% | 1,954 | 3,39% | 1,913 | 3,32% |
| 2006 | 3,800 | 5,73% | 2,400 | 3,62% | 1,845 | 2,78% |
| 2007 | 6,180 | 7,98% | 6,700 | 8,65% | 2,511 | 3,24% |
| 2008 | 6,805 | 6,86% | 9,579 | 9,66% | 2,552 | 2,57% |
| 2009 | 6,020 | 5,68% | 7,600 | 7,17% | 3,732 | 3,52% |
| 2010 | 8,260 | 7,12% | 8,000 | 6,90% | 2,940 | 2,54% |
| 2011 | 8,600 | 6,35% | 7,430 | 5,48% | 3,596 | 2,65% |
| 2012 | 10,000 | 6,42% | 8,368 | 5,37% | 4,116 | 2,64% |
| 2013 | 11,000 | 6,42% | 8,900 | 5,20% | 4,085 | 2,39% |
| 2014e | 12,000 | 6,44% | | | | |

*Nguồn: data.worldbank.org và * tính toán của tác giả*

kiều hối vào Việt Nam, rút ra các hạn chế, từ đó đề xuất một số kiến nghị để tăng cường thu hút và sử dụng kiều hối cho hoạt động đầu tư ở Việt Nam.

## 2. Tổng quan dòng kiều hối vào Việt Nam

### *2.1. Quy mô kiều hối*

Lượng kiều hối vào Việt Nam nhìn chung có xu hướng tăng qua các năm và tăng mạnh trong 5 năm trở lại đây. Nếu như năm 2000, lượng kiều hối về Việt Nam mới đạt được 1,34 tỷ USD thì đến năm 2014 đã tăng gấp gần 10 lần, đạt 12 tỷ USD, bằng 6,44% GDP.

So với nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nguồn hỗ trợ phát triển chính thức thì tốc độ tăng kiều hối cao hơn. Từ năm 2002, lượng kiều hối chuyển vào Việt Nam cao hơn so với nguồn vốn FDI, chỉ trừ các năm 2007, 2008, 2009 do khủng hoảng kinh tế thế giới cộng với nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư của chính phủ Việt Nam trong thu hút FDI. Lượng kiều hối từ năm 2002 luôn cao hơn so với nguồn vốn ODA, thậm chí lượng kiều hối năm 2014 gần gấp 3 lần nguồn vốn ODA.

Lượng kiều hối chuyển về Việt Nam tăng ấn tượng như vậy là do Việt Nam có số Việt Kiều và lao động làm việc tại nước ngoài lớn. Đây là hai chủ thể chủ yếu gửi kiều hối về Việt Nam. Việt kiều di cư khỏi Việt Nam bắt đầu từ giữa những năm 1970, chủ yếu là ở miền Nam Việt Nam nên kiều hối từ nguồn này có từ những năm 1980. Lao động xuất khẩu ra nước ngoài làm việc theo các chương trình xuất khẩu lao động, thường là từ vùng nông thôn với thời gian làm việc xác định theo hợp đồng xuất khẩu lao động. Từ giữa những năm 1970, số người di cư của Việt Nam ra nước ngoài luôn rất lớn và lớn hơn số người nhập cư vào Việt Nam, nên số người di cư thuần của Việt Nam luôn dương.

**Bảng 2: Số người di cư thuần của Việt Nam**

| Giai đoạn | 1973 - 1977 | 1978 - 1982 | 1983 - 1987 | 1988 - 1992 | 1993 - 1997 | 1998 - 2002 | 2003 - 2007 | 2008 - 2012 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Số người di cư thuần | 813123 | 324942 | 332327 | 394236 | 323425 | 772336 | 877681 | 200002 |

*Nguồn: data.worldbank.org*

**Bảng 3: 10 quốc gia chuyển kiều hối lớn nhất về Việt Nam năm 2010 và 2014**

| 2010 | | 2014 | |
|---|---|---|---|
| Quốc gia gửi kiều hối | Kiều hối (tỷ US$) | Quốc gia gửi kiều hối | Kiều hối (tỷ US$) |
| **Tổng** | **8,26** | **Tổng** | **12,00** |
| United States | 4,70 | United States | 6,78 |
| Australia | 0,72 | Australia | 1,03 |
| Canada | 0,70 | Canada | 0,84 |
| Germany | 0,50 | Germany | 0,65 |
| France | 0,36 | France | 0,56 |
| Cambodia | 0,35 | Korea, Rep. | 0,52 |
| Korea, Rep. | 0,15 | Czech Republic | 0,21 |
| Japan | 0,13 | Japan | 0,17 |
| United Kingdom | 0,09 | United Kingdom | 0,12 |
| Norway | 0,08 | China | 0,12 |

*Nguồn: data.worldbank.org*

Đây là xu thế chung của quốc gia đang phát triển, di cư và di chuyển lao động thường đến các quốc gia phát triển hơn. Ngoài ra, lao động cũng thường sang làm việc ở các quốc gia láng giềng, nơi có địa dư gần gũi, dễ dàng đi lại và giao thương.

Hiện có khoảng 4,5 triệu người Việt đang sinh sống tại trên 100 quốc gia trên thế giới và có khoảng nửa triệu công nhân Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài, đặc biệt là Malaysia, Đài Loan, Nhật Bản và Nam Triều Tiên, qua chương trình xuất khẩu lao động (Thùy Vinh, 2014).

***2.2. Cơ cấu kiều hối theo quốc gia gửi***

Ngược với xu hướng di cư và di chuyển lao động từ quốc gia đang phát triển đến quốc gia phát triển và di cư sang nước láng giềng, dòng kiều hối thường chảy từ các nước phát triển và nước láng giềng về Việt Nam.

Có thể thấy trong 10 quốc gia gửi kiều hối lớn nhất về Việt Nam, 5 quốc gia lượng kiều hối gửi về nhiều nhất không thay đổi cả năm 2010 và 2014 là Mỹ, Úc, Canada, Đức, Pháp. Đây là các quốc gia phát triển trên thế giới. Trong đó, Mỹ là quốc gia gửi kiều hối lớn nhất về Việt Nam, chiếm hơn 50% lượng kiều hối gửi về Việt Nam trong năm 2010, 2014.

Kiều hối chuyển về phần lớn là từ Mỹ, thành phố nhận được nhiều kiều hối là thành phố Hồ Chí Minh dù đây không phải là địa phương xuất khẩu lao động. Do đó, Việt Kiều tại Mỹ là nhóm gửi kiều hối lớn nhất về Việt Nam. Bên cạnh đó, số địa phương nhận kiều hối được mở rộng đến các tỉnh, địa phương nghèo có công nhân xuất khẩu lao động như Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An…

Vậy, lượng kiều hối gửi vào Việt Nam chủ yếu từ quốc gia phát triển châu Mỹ, châu Âu, châu Úc, châu Á và từ quốc gia láng giềng như Campuchia, Trung Quốc.

***2.3. Cơ cấu kiều hối theo kênh chuyển tiền***

Tại Việt Nam, việc chuyển tiền có thể theo các hình thức: qua các tổ chức tín dụng được phép, qua các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính bưu chính quốc tế và cá nhân mang theo người vào Việt Nam (Thủ tướng Chính phủ, 1999). Người nước ngoài và người Việt Nam có thể chuyển tiền thông qua các kênh chính thức như các ngân hàng, các công ty cung cấp dịch vụ tài chính quốc tế, các tổ chức kinh tế làm đại lý chi trả kiều hối, các tổ chức chuyển tiền quốc tế như Western Union, hải quan… Ngoài kênh chính thức, tại Việt Nam cũng tồn tại các kênh phi chính thức như cá nhân tự mang về, nhờ người chuyển tiền về, thông qua các cửa hàng kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc.

Nếu chuyển tiền qua kênh chính thức tại các ngân hàng của Việt Nam thì sẽ chịu phí như phí chuyển tiền đến (0,05%) và phí rút tiền mặt ngoại tệ (0,15%). Nếu rút tiền đồng thì khách hàng được miễn phí rút ngoại tệ (0,15%) nhưng với tỷ giá thấp. Do đó, nhiều người nhận kiều hối vẫn chọn cửa hàng kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, một kênh phi

**Hình 1: Cơ cấu kiều hối Việt Nam theo kênh chuyển tiền**

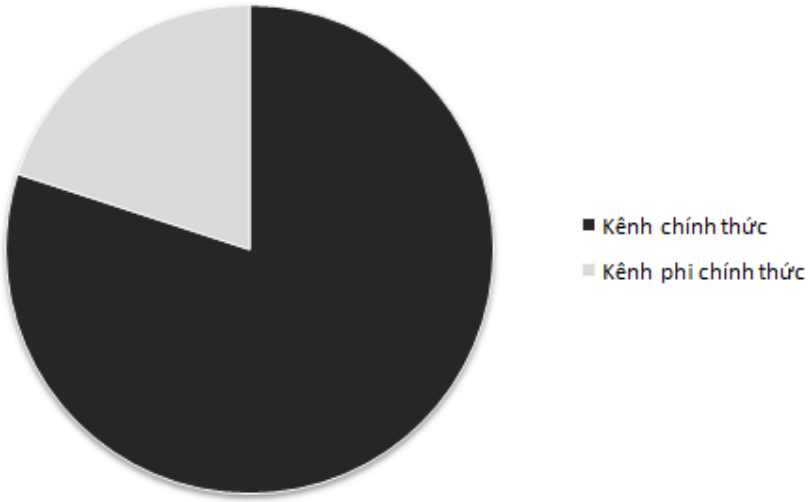


*Nguồn: Chí Kiên (2014).*

**Bảng 4: Cơ cấu kiều hối theo mục đích sử dụng**

| Năm | Tiêu dùng | Đầu tư sản xuất kinh doanh | Tiết kiệm | Bất động sản | Khác |
|---|---|---|---|---|---|
| 2010 - 2013 | 5-7% | 27%-30% | 30% | 16%-17% | 20% |
| 2014 | 35% | 16% | 11% | 30% | 8% |

*Nguồn: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương*

chính thức ở Việt Nam để giao dịch chuyển tiền từ nước ngoài về vì thủ tục đơn giản, nhanh gọn, mức phí thấp, tỷ giá cao dù giao dịch qua kênh chuyển tiền này tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn. Tính tiện lợi của kênh phi chính thức ở Việt Nam thể hiện rõ, chỉ cần gọi điện sẽ có người mang tiền đến và đầu mối trả tiền đã có sẵn ở Việt Nam. Kênh chuyển tiền phi chính thức cũng là một khó khăn cho việc thu thập dữ liệu kiều hối tại Việt Nam nhưng không thể một sớm một chiều chấm dứt do văn hóa và thói quen sử dụng tiền mặt ở Việt Nam.

Theo Chí Kiên (2014), tiền gửi theo con đường không chính thức bằng gần 1/4 kiều hối qua kênh chính thức, bởi theo luật Việt Nam nếu mang ngoại tệ vào Việt Nam trong phạm vi dưới 5.000 USD không phải khai báo.

***2.4. Cơ cấu kiều hối theo mục đích sử dụng***

Kiều hối chuyển về Việt Nam sử dụng cho các mục đích khác nhau. Đứng trên giác độ đầu tư theo nghĩa rộng, kiều hối sử dụng cho tiêu dùng của năm 2014 là 35%, phần kiều hối còn lại sử dụng cho hoạt động đầu tư như sản xuất kinh doanh, tiết kiệm, chi cho bất động sản và chi khác. Đứng trên góc độ cá nhân, hộ gia đình thì phần lớn kiều hối chiếm tới 2/3 của năm 2014 sử dụng cho đầu tư.

Kiều hối sử dụng đầu tư bất động sản tăng từ 16-17% lên 30% năm 2014 do thị trường bất động sản đã bắt đầu thoát đáy và đi lên. Nguồn kiều hối gửi tiết kiệm giảm đi từ 30% giai đoạn 2010- 2013 xuống còn 11% năm 2014 có thể là do lãi suất tiền gửi tiết kiệm xuống thấp, thị trường bất động sản có xu hướng phục hồi và tình hình kinh tế Việt Nam tốt hơn.

Nếu xem xét đầu tư theo nghĩa hẹp, theo số liệu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, kiều hối sử dụng cho đầu tư sản xuất kinh doanh lại giảm đáng kể từ 27%- 30% còn 16% năm 2014. Nếu thị trường bất động sản tiếp tục ấm lên thì có nguy cơ ảnh hưởng tới lượng thu hút kiều hối cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh trong năm tới.

***2.5. Cơ cấu kiều hối theo hình thái tài sản***

Tại Việt Nam, hình thái tài sản của dòng kiều hối cũng thay đổi theo thời gian. Trước đổi mới, mở cửa nền kinh tế vào năm 1986, kiều hối vào Việt Nam chủ yếu dưới dạng hàng hóa, người xuất khẩu lao động thường gửi những kiện hàng rất to, cồng kềnh về Việt Nam qua các cửa khẩu. Đến nay, người di cư, lao động xuất khẩu và người nước ngoài khác

gửi kiều hối về Việt Nam chủ yếu dưới dạng tiền tệ do phương tiện thanh toán, chuyển tiền đa dạng, thuận lợi đồng thời thị trường tài chính ngày càng phát triển và đồng tiền Việt có tỷ giá được điều tiết ổn định.

**3. Một số hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong thu hút và sử dụng kiều hối để đầu tư ở Việt Nam**

***3.1. Một số hạn chế trong thu hút và sử dụng kiều hối để đầu tư ở Việt Nam***

Việc thu hút dòng kiều hối vào Việt Nam và khuyến khích sử dụng kiều hối cho hoạt động đầu tư còn có một số hạn chế.

Một là, kiều hối chuyển về Việt Nam sử dụng cho đầu tư sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm còn 16% năm 2014. Đầu tư cho sản xuất kinh doanh trực tiếp làm tăng tài sản của nền kinh tế, từ đó giúp tăng năng lực sản xuất và cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ hai, chủ thể gửi kiều hối hay chính kiều bào, nguồn nhân lực có trí thức, có kiến thức hiện đại và kinh nghiệm thực tế đang làm việc ở nước ngoài chưa được quan tâm đúng mức. Nếu coi kiều hối chỉ là tiền thì sẽ lãng phí nguồn nhân lực rất lớn, cần có chính sách quan tâm tới kiều bào để chính họ sẽ đưa ra cách sử dụng lượng tiền gửi về thì hiệu quả của kiều hối đối với nền kinh tế sẽ tăng lên. Nếu chủ thể gửi kiều hối có thể trở thành nhà đầu tư, trực tiếp quản lý lượng tiền bỏ ra, hay có chính sách thu hút kiều bào về đầu tư, biến họ thành nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài thì lượng vốn đầu tư cũng như tác động của lượng vốn này tới nền kinh tế sẽ nhân lên nhiều lần.

Thứ ba, lượng kiều hối gửi vào Việt Nam chủ yếu từ quốc gia phát triển và từ quốc gia láng giềng. Theo số liệu bảng 3, những quốc gia gửi kiều hối lớn nhất vào Việt Nam hầu như không có sự thay đổi như Mỹ, Úc, Canada, Đức, Pháp. Để thu hút lượng kiều hối lớn, Việt Nam cần chủ động thu hút kiều hối từ các quốc gia khác như chính sách xuất khẩu lao động tới các quốc gia khác nhau trên thế giới bên cạnh chính sách ổn định môi trường đầu tư, kinh doanh và chính sách thu hút và sử dụng kiều hối.

Thứ tư, việc chuyển tiền qua kênh phi chính thức còn lớn, chiếm khoảng 25% lượng kiều hối gửi về Việt Nam, gây khó khăn trong quản lý ngoại hối, ảnh hưởng đến tình trạng đô la hóa, ổn định tỷ giá, điều hành chính sách tiền tệ và ổn định kinh tế vĩ mô.

***3.2. Nguyên nhân hạn chế trong thu hút và sử dụng kiều hối để đầu tư ở Việt Nam***

Thứ nhất, Việt Nam chưa có hệ thống pháp luật chuyên sâu và riêng biệt về thu hút kiều hối và sử dụng kiều hối cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh. Các văn bản pháp luật cho đến thời điểm hiện tại của Việt Nam chưa có văn bản nào có đề cập đến từ "kiều hối".

Thứ hai, kênh chuyển tiền chính thức vẫn còn chưa thuận tiện, nhanh gọn về thủ tục, tỷ giá chuyển đổi thấp, phí chưa cạnh tranh với kênh phi chính thức như các cửa hàng kinh doanh ngoại tệ.

Thứ ba, số liệu thống kê về thu hút kiều hối vào Việt Nam nói riêng và các quốc gia trên thế giới nói chung còn chưa chính xác do lượng kiều hối chuyển qua kênh phi chính thức. Ngoài ra, số liệu sử dụng kiều hối của các cá nhân và hộ gia đình cho mục đích sử dụng khác nhau cũng không có cấp có thẩm quyền nào công bố chính thống hàng năm, một phần do thói quen sử dụng tiền mặt để thanh toán chi tiêu. Từ đó, việc đánh giá vai trò, tác động tích cực và tiêu cực của kiều hối tới nền kinh tế cũng khó phản ánh đầy đủ, toàn diện. Việc đưa ra chính sách khuyến khích sử dụng kiều hối cho đầu tư cũng khó đạt hiệu quả.

**4. Một số kiến nghị nhằm thu hút dòng kiều hối và sử dụng kiều hối cho hoạt động đầu tư ở Việt Nam**

***4.1. Soạn thảo và ban hành hệ thống văn bản pháp luật quản lý thu hút và sử dụng kiều hối cho hoạt động đầu tư***

Kiều hối đang nổi lên là nguồn chuyển tiền từ nước ngoài lớn trong các dòng tiền từ nước ngoài chuyển vào các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Hơn nữa, xuất phát từ đặc điểm kiều hối gắn với di cư và di chuyển lao động, người gửi kiều hối chỉ là tập hợp con của người di cư và kiều hối chảy về nhiều hay ít còn phụ thuộc vào môi trường đầu tư của Việt Nam. Do đó, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút kiều hối như môi trường pháp luật, môi trường kinh tế, công nghệ... Trong những yếu tố của môi trường đầu tư thì môi trường pháp luật cần thời gian thay đổi ngắn hơn và nhanh chóng điều tiết được dòng

kiều hối. Do đó, việc hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng đến môi trường đầu tư nói chung và từ đó tác động tới dòng kiều hối, thu hút kiều hối về Việt Nam.

Đến nay, Việt Nam chưa có văn bản quy phạm pháp luật có khái niệm kiều hối. Để khuyến khích thu hút dòng kiều hối cũng như sử dụng kiều hối cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh, Việt Nam cần soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quản lý kiều hối một cách trực tiếp và chuyên sâu. Văn bản quy phạm pháp luật này gồm văn bản về di cư và di chuyển lao động, văn bản khuyến khích thu hút kiều hối từ nước ngoài vào Việt Nam và văn bản khuyến khích người nhận kiều hối sử dụng cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh.

Việt Nam cần tiếp tục duy trì và phát triển chính sách thu hút kiều hối. Chính sách chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam được đánh giá là chính sách thu hút ngoại tệ từ nước ngoài thông thoáng, cởi mở. Cho đến hiện tại, người nhận tiền từ nước ngoài được phép nhận bằng ngoại tệ, hoặc tiền đồng tùy ý người nhận. Nhà nước không đánh thuế thu nhập về nhận kiều hối. Ngoài ra, Nhà nước tiếp tục khuyến khích Việt Kiều về quê hương thông qua chính sách miễn thị thực đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Chính sách xuất khẩu lao động cần được cải thiện để thực hiện tốt chương trình tuyển dụng lao động ra nước ngoài làm việc cũng như giảm lệ phí tham gia chương trình xuất khẩu lao động. Để tăng lượng lao động xuất khẩu, Việt Nam cần tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu tới nhiều quốc gia ngoài các thị trường xuất khẩu lao động truyền thống. Việt Nam cần ban hành và thực hiện chính sách để khuyến khích sử dụng kiều hối cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh. Từ đó, vai trò của kiều hối mới được phát huy và mang lại những tác động tích cực đối với nền kinh tế, với các địa phương, với các ngành và với người nhận kiều hối.

***4.2. Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô***

Dòng kiều hối thu hút về quốc gia nhiều hay ít và lượng kiều hối sử dụng để đầu tư phụ thuộc vào môi trường đầu tư nói chung, trong đó có môi trường kinh tế vĩ mô. Sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô là điều kiện tiên quyết của mọi ý định và hành vi đầu tư. Để đối phó với bất ổn kinh tế vĩ mô, Chính phủ cần phải chủ động, linh hoạt và kịp thời điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và chính sách an sinh xã hội nhằm kích cầu đầu tư và tiêu dùng của nền kinh tế, thúc đẩy hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu. Bằng việc đưa ra những chính sách kịp thời đối phó với khủng hoảng, Chính phủ duy trì niềm tin cho các nhà đầu tư, người dân về chính sách hỗ trợ của Chính phủ ứng phó với khủng hoảng.

Để tạo niềm tin cho các Việt Kiều và các lao động nước ngoài an tâm đầu tư, Việt Nam cần tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô bằng việc sử dụng linh hoạt chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và an sinh xã hội, đồng thời phải nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế để đảm bảo phát triển bền vững, chủ động hội nhập quốc tế.

***4.3. Phát triển định chế tài chính phục vụ chuyển kiều hối, thu hút kiều hối cho hoạt động đầu tư***

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn kênh chuyển kiều hối này thay vì kênh khác phụ thuộc sự sẵn có của các dịch vụ, tính tiện lợi, và dễ dàng tiếp cận các định chế tài chính chính thức, thủ tục hành chính của kênh chính thức, chi phí chuyển tiền, rủi ro đi kèm với việc chuyển tiền, tốc độ chuyển tiền của các kênh, sở thích của người chuyển tiền, cơ sở hạ tầng của các định chế và môi trường thể chế của nước gửi và nước nhận kiều hối, các khuyến khích mà nước nhận kiều hối đưa ra như thuế và lãi suất. Việc lựa chọn kênh chuyển tiền khác nhau phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng, chính sách, thủ tục, chi phí và rủi ro của việc chuyển tiền ở cả đầu gửi và đầu nhận. Hiện nhiều quốc gia trên thế giới không chỉ Việt Nam còn khó khăn trong việc thống kê dữ liệu kiều hối do hoạt động chuyển tiền qua kênh phi chính thức. Ở phía đầu nhận, Việt Nam cần tiếp tục mở rộng và phát triển theo chiều rộng và sâu các định chế tài chính phục vụ việc chuyển ngoại hối để thu hút kiều hối và khuyến khích người gửi và nhận kiều hối sử dụng các kênh chuyển tiền chính thức, làm sao để người nhận kiều hối có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ chuyển tiền, thủ tục đơn giản, chi phí hợp lý, thời gian nhanh và rủi ro thấp nhất. Tại Việt Nam, bên cạnh việc hoàn thiện chính sách pháp luật về kiều hối, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế, thì dịch vụ kiều hối đang được cải thiện với chất lượng cao hơn.

Kiều hối không phải là vốn đầu tư, chỉ là tiền đề để tăng vốn đầu tư vào một quốc gia. Do đó, bên

cạnh việc xây dựng và ban hành chính sách thu hút kiều hối, phát triển định chế tài chính để tạo thuận lợi cho việc chuyển tiền, Chính phủ Việt Nam cần phát triển các định chế tài chính với chính sách ưu đãi đặc thù riêng nhằm huy động các nguồn kiều hối nhỏ lẻ trong dân cư còn lại sau khi sử dụng cho tiêu dùng với mục đích tích tụ và tập trung những nguồn kiều hối thành lượng vốn lớn cho sản xuất kinh doanh. Chính phủ Việt Nam thành lập và phát triển các định chế tài chính như quỹ đầu tư, quỹ tương hỗ, quỹ cộng đồng,… để thu hút kiều hối cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

***4.4. Nâng cao tính chính xác về thống kê dữ liệu kiều hối***

Tại Việt Nam, không có một nguồn số liệu hoặc chỉ tiêu nào thống kê đầy đủ dòng kiều hối vào Việt Nam. Nếu dựa vào cán cân thanh toán thì không có bất cứ một tài khoản nào trong cán cân thanh toán phản ánh kiều hối, mà chỉ lấy từ những khoản mục nhỏ là khoản chuyển tiền một chiều từ nước ngoài vào và thu nhập của người lao động làm việc ở nước ngoài. Hơn nữa, kênh chuyển tiền phi chính thức vẫn là trở ngại cho việc thu thập dữ liệu về kiều hối. Việc chuyển tiền qua kênh phi chính thức có thể không được thống kê đầy đủ trong dữ liệu cán cân thanh toán. Do đó, cán cân thanh toán khó có thể phản ánh đầy đủ dòng chảy kiều hối thông qua kênh không chính thức. Việc thu thập đầy đủ, nâng cao tính chính xác về thống kê dữ liệu kiều hối là cần thiết khi dòng chảy kiều hối vào Việt Nam ngày càng tăng như xu hướng 5 năm gần đây.

Việc cải thiện dữ liệu kiều hối cũng sẽ gặp khó khăn do không thống kê được hết những người lao động ra nước ngoài làm việc nhất là những lao động bất hợp pháp. Ngoài ra, khó khăn còn gặp phải do hiện hữu nhiều kênh chuyển kiều hối, đặc biệt là các kênh không chính thức. Tỷ lệ lao động bất hợp pháp sang các nước láng giềng làm việc rất khó kiểm soát và đo lường chính xác, làm ảnh hưởng tới thu thập dữ liệu về kiều hối. Nhiều kênh chuyển kiều hối phi chính thức cũng gây khó khăn cho việc cải thiện dữ liệu về kiều hối, tổng lượng kiều hối của các giao dịch này có thể là con số đáng kể. Các giao dịch chuyển kiều hối qua kênh phi chính thức không hạch toán và ghi nhận được, và không có trong hệ thống nguồn dữ liệu thông thường.

Do đó, các quốc gia căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình để phát triển một phương pháp thích hợp nhằm ước tính dữ liệu kiều hối với sự phối hợp của các cơ quan liên quan như cơ quan quản lý lao động xuất khẩu, văn phòng nhập cư, cơ quan thực hiện điều tra dân số, và cơ quan thống kê số liệu kiều hối. Ngoài ra, các kênh chuyển kiều hối cần nhận thức và liệt kê đầy đủ làm cơ sở cho việc dự tính số liệu kiều hối.❐

**Tài liệu tham khảo**


Chí Kiên (2014), 'Kiều hối sẽ vẫn là "mỏ vàng', *Thời báo ngân hàng,* truy cập lần cuối ngày 01 tháng 12 năm 2015, từ <http://thoibaonganhang.vn/kieu-hoi-se-van-la-mo-vang-5156.html>.

Thủ tướng Chính phủ (1999), *Quyết định số 170/1999/QĐ-TTG ngày 19/8/1999 về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước*.

Thùy Vinh (2014), 'Kiều hối năm 2014 dự đáo tăng 20%', *Báo Đầu tư*, 27-1-2014.